

BẢNG 6**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN TÂN PHÚ**

(Ban hành kèm Quyết định số 102 /2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

| STT | TÊN ĐƯỜNG | ĐOẠN ĐƯỜNG | | GIÁ |
|-----|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------|
| | | TỪ | ĐẾN | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | ÂU CƠ | TRỌN ĐƯỜNG | | 7,500 |
| 2 | BẮC ÁI | TÂN SINH | PHAN ĐÌNH PHÙNG | 4,700 |
| 3 | BÌNH LONG | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,800 |
| 4 | BÙI CẨM HỒ | LŨY BÁN BÍCH | KÊNH TÂN HOÁ | 5,000 |
| 5 | CẦU XÉO | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,200 |
| 6 | CÁC ĐƯỜNG NỐI GIỮA ĐƯỜNG SỐ 16 VÀ 20 | NGUYỄN NHŨ LÂM | ĐỖ ĐỨC DỤC | 4,100 |
| 7 | CÁCH MẠNG | LŨY BÁN BÍCH | TÂN SINH | 5,400 |
| 8 | CHÂN LÝ | ĐỘC LẬP | NGUYỄN TRƯỜNG TỘ | 4,700 |
| 9 | CHẾ LAN VIÊN | TRƯỜNG CHINH | CUỐI ĐƯỜNG | 4,800 |
| 10 | CHU THIÊN | NGUYỄN MỸ CA | TÔ HIỆU | 4,700 |
| 11 | CHU VĂN AN | NGUYỄN XUÂN KHOÁT | CUỐI ĐƯỜNG | 4,700 |
| 12 | CỘNG HOÀ 3 | PHAN ĐÌNH PHÙNG | NGUYỄN VĂN HUYỀN | 4,300 |
| 13 | DẪN CHỦ | PHAN ĐÌNH PHÙNG | NGUYỄN XUÂN KHOÁT | 4,700 |
| 14 | DẪN TỘC | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 15 | DƯƠNG KHUÊ | LŨY BÁN BÍCH | TÔ HIỆU | 5,400 |
| 16 | DƯƠNG ĐỨC HIỀN | LÊ TRỌNG TẤN | CHẾ LAN VIÊN | 4,800 |
| 17 | DƯƠNG VĂN DƯƠNG | TÂN KỶ TÂN QUÝ | ĐỒ THỬA LUÔNG | 5,000 |
| 18 | ĐÀM THẬN HUY | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 19 | ĐÌNH LIỆT | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 20 | ĐOÀN GIỚI | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 21 | ĐOÀN KẾT | NGUYỄN XUÂN KHOÁT | TỰ DO 1 | 4,700 |
| 22 | ĐỖ BÍ | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 23 | ĐỖ CÔNG TƯỜNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 24 | ĐỖ ĐỘC CHÁN | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,200 |
| 25 | ĐỖ ĐỘC LỘC | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,900 |
| 26 | ĐỖ ĐỘC LONG | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 27 | ĐỖ ĐỘC THỦ | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,200 |
| 28 | ĐỖ ĐỨC DỤC | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 29 | ĐỖ THỊ TÂM | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 30 | ĐỖ THỬA LUÔNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,200 |
| 31 | ĐỖ THỬA TỰ | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 32 | ĐỖ NHUẬN | LÊ TRỌNG TẤN | CUỐI HÈM SỐ 01 SƠN KỶ | 4,300 |
| | | CUỐI HÈM SỐ 01 SƠN KỶ | TÂN KỶ TÂN QUÝ | 2,600 |
| 33 | ĐỘC LẬP | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,000 |
| 34 | ĐƯỜNG C1 | ĐƯỜNG C8 | ĐƯỜNG C2 | 2,400 |
| 35 | ĐƯỜNG C4 | ĐƯỜNG C5 | ĐƯỜNG C7 | 2,600 |
| 36 | ĐƯỜNG C4A | ĐƯỜNG S11 | ĐƯỜNG C1 | 2,600 |
| 37 | ĐƯỜNG C5 | ĐƯỜNG C8 | ĐƯỜNG C2 | 2,400 |
| 38 | ĐƯỜNG C6 | ĐƯỜNG C5 | ĐƯỜNG C7 | 2,500 |
| 39 | ĐƯỜNG C6A | ĐƯỜNG S11 | ĐƯỜNG C1 | 2,500 |
| 40 | ĐƯỜNG C7 | ĐƯỜNG C8 | ĐƯỜNG C2 | 2,500 |
| 41 | ĐƯỜNG C8 | ĐƯỜNG C7 | ĐƯỜNG S11 | 2,600 |
| 42 | ĐƯỜNG CC1 | ĐƯỜNG CN1 | ĐƯỜNG CC2 | 3,100 |
| 43 | ĐƯỜNG CC2 | ĐƯỜNG DC9 | ĐƯỜNG CN1 | 3,000 |
| 44 | ĐƯỜNG CC3 | ĐƯỜNG CC4 | ĐƯỜNG CC2 | 3,100 |
| 45 | ĐƯỜNG CC4 | ĐƯỜNG CC5 | ĐƯỜNG CN1 | 2,900 |
| 46 | ĐƯỜNG CC5 | ĐƯỜNG CN1 | ĐƯỜNG CC2 | 3,100 |
| 47 | ĐƯỜNG CN1 | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | LÊ TRỌNG TẤN | 5,500 |
| 48 | ĐƯỜNG CN6 | ĐƯỜNG CN1 | ĐƯỜNG CN11 | 4,800 |
| 49 | ĐƯỜNG CN11 | ĐƯỜNG CN1 | TÂY THANH | 4,400 |



| | | | | |
|-----|------------------------------------------|-----------------|---------------------------|-------|
| 51 | ĐƯỜNG D14A | ĐƯỜNG D13 | ĐƯỜNG D15 | 3,400 |
| 52 | ĐƯỜNG DC1 | ĐƯỜNG CN1 | CUỐI ĐƯỜNG | 3,500 |
| 53 | ĐƯỜNG DC11 | ĐƯỜNG CN1 | CUỐI ĐƯỜNG | 3,500 |
| 54 | ĐƯỜNG D10 | ĐƯỜNG D9 | CUỐI ĐƯỜNG | 2,400 |
| 55 | ĐƯỜNG D11 | ĐƯỜNG D10 | CUỐI ĐƯỜNG | 2,400 |
| 56 | ĐƯỜNG D12 | ĐƯỜNG D13 | ĐƯỜNG D15 | 2,400 |
| 57 | ĐƯỜNG D13 | TÂY THẠNH | CUỐI ĐƯỜNG | 2,400 |
| 58 | ĐƯỜNG D14B | ĐƯỜNG D13 | ĐƯỜNG D15 | 2,400 |
| 59 | ĐƯỜNG D15 | ĐƯỜNG D10 | CUỐI ĐƯỜNG | 2,400 |
| 60 | ĐƯỜNG D16 | ĐƯỜNG D9 | CUỐI ĐƯỜNG | 2,400 |
| 61 | ĐƯỜNG DC3 | ĐƯỜNG CN6 | CUỐI ĐƯỜNG | 3,700 |
| 62 | ĐƯỜNG DC4 | ĐƯỜNG DC9 | ĐƯỜNG CN11 | 3,700 |
| 63 | ĐƯỜNG DC5 | ĐƯỜNG CN6 | CUỐI ĐƯỜNG | 3,700 |
| 64 | ĐƯỜNG DC7 | ĐƯỜNG CN6 | CUỐI ĐƯỜNG | 3,700 |
| 65 | ĐƯỜNG DC9 | ĐƯỜNG CN1 | CUỐI ĐƯỜNG | 4,000 |
| 66 | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | BÌNH LONG | LÊ TRỌNG TẤN | 4,200 |
| | | LÊ TRỌNG TẤN | KÊNH THAM LƯƠNG | 4,200 |
| 67 | ĐƯỜNG 30/4 | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 68 | ĐƯỜNG BỜ BAO TÂN THẮNG | BÌNH LONG | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | 4,700 |
| 69 | ĐƯỜNG CÂY KEO | LŨY BÁN BÍCH | TÔ HIỆU | 5,400 |
| 70 | ĐƯỜNG S5 | ĐƯỜNG S2 | KÊNH 19/5 | 2,400 |
| 71 | ĐƯỜNG S1 | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | CUỐI ĐƯỜNG | 3,300 |
| 72 | ĐƯỜNG S11 | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | TÂY THẠNH | 2,400 |
| 73 | ĐƯỜNG S3 | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | ĐƯỜNG S2 | 2,400 |
| 74 | ĐƯỜNG S7 | ĐƯỜNG S2 | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | 2,400 |
| 75 | ĐƯỜNG S9 | ĐƯỜNG S2 | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | 2,400 |
| 76 | ĐƯỜNG SỐ 1 | PHAN ĐÌNH PHÙNG | NGUYỄN VĂN TỎ | 4,000 |
| 77 | ĐƯỜNG SỐ 2 | PHAN ĐÌNH PHÙNG | NGUYỄN VĂN TỎ | 4,000 |
| 78 | ĐƯỜNG HƯỚNG ĐÔNG CHỢ SƠN KỶ | TRỌN ĐƯỜNG | | 2,800 |
| 79 | ĐƯỜNG KÊNH TÂN HOÁ | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 80 | ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THỂ | BÌNH LONG | CUỐI ĐƯỜNG (P. PHÚ THẠNH) | 4,700 |
| | | TRƯƠNG VĨNH KÝ | CUỐI ĐƯỜNG (P.TSN) | 4,700 |
| 81 | ĐƯỜNG NÓI TÂN SƠN NHÌ- TRƯƠNG VĨNH KÝ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 82 | ĐƯỜNG SỐ 18 (P.TÂN QUÝ) | TRỌN ĐƯỜNG | | 2,800 |
| 83 | ĐƯỜNG SỐ 19 (P.TÂN QUÝ) | TRỌN ĐƯỜNG | | 2,800 |
| 84 | ĐƯỜNG SỐ 27 (P.SƠN KỶ) | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 85 | ĐƯỜNG T1 | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | CUỐI ĐƯỜNG | 2,400 |
| 86 | ĐƯỜNG T4A | ĐƯỜNG T3 | ĐƯỜNG T5 | 2,400 |
| 87 | ĐƯỜNG T4B | ĐƯỜNG T3 | ĐƯỜNG T5 | 2,400 |
| 88 | ĐƯỜNG T6 | LÊ TRỌNG TẤN | ĐƯỜNG KÊNH 19/5 | 3,300 |
| 89 | ĐƯỜNG TRƯỚC TRƯỜNG PTTH TÂN BÌNH | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 90 | GÒ DẦU | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,000 |
| 91 | HÀNH LANG BẢO VỆ NHÁNH PHỤ KÊNH NƯỚC ĐEN | TÂN HƯƠNG | THƯỢNG NGUỒN NHÁNH PHỤ | 2,800 |
| 92 | ĐƯỜNG TỔ 46 | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 93 | ĐƯỜNG TỔ 48 | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 94 | HÀN MẶC TỬ | THỐNG NHẤT | NGUYỄN TRƯỜNG TỘ | 4,700 |
| 95 | HIỀN VƯƠNG | Đ. TRUNG TÂM | PHAN VĂN NĂM | 3,600 |
| | | PHAN VĂN NĂM | VĂN CAO | 5,400 |
| | | VĂN CAO | BÌNH LONG | 3,600 |
| 96 | HỒ ĐẮC DI | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 97 | HỒ NGỌC CẢN | TRẦN HƯNG ĐẠO | THỐNG NHẤT | 4,700 |
| 98 | HOÀNG NGỌC PHÁCH | NGUYỄN SƠN | LÊ THỨC HOẠCH | 5,000 |
| 99 | HOÀNG THIỀU HOA | THẠCH LAM | HOÀ BÌNH | 5,400 |
| 100 | HOÀNG VĂN HOÈ | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 101 | HOÀNG XUÂN NHỊ | ÂU CƠ | KHUÔNG VIỆT | 5,400 |
| 102 | HÒA BÌNH | KHUÔNG VIỆT | LŨY BÁN BÍCH | 8,400 |
| | | LŨY BÁN BÍCH | NGÃ TƯ 4 XÃ | 6,000 |



| | | | | |
|-----|-------------------|-----------------------------|-------------------------------------|-------|
| 104 | HUỶNH THIÊN LỘC | LŨY BÁN BÍCH | KÊNH TÂN HOÀ | 4,800 |
| 105 | ÍCH THIÊN | PHỐ CHỢ | NGUYỄN TRƯỜNG TỘ | 4,700 |
| 106 | KHUÔNG VIỆT | ÂU CƠ | HOÀ BÌNH | 5,400 |
| 107 | LÊ CAO LĂNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 108 | LÊ CẢNH TUÂN | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 109 | LÊ KHÔI | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 110 | LÊ LÂM | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 111 | LÊ LĂNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 112 | LÊ LIÊU | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 113 | LÊ LƯ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 114 | LÊ LỘ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 115 | LÊ ĐÀI | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 116 | LÊ NGÃ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 117 | LÊ NIỆM | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 118 | LÊ ĐÌNH THÁM | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,100 |
| 119 | LÊ QUANG CHIÊU | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 120 | LÊ QUỐC TRINH | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 121 | LÊ SAO | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 122 | LÊ SÁT | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,200 |
| 123 | LÊ THIẾT | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 124 | LÊ THỨC HOẠCH | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,000 |
| 125 | LÊ TRỌNG TẤN | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 126 | LÊ TRUNG ĐÌNH | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 127 | LÊ VĂN PHAN | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 128 | LÊ VĨNH HOÀ | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 129 | LƯƠNG MINH NGUYỆT | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 130 | LƯƠNG ĐẮC BẰNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 131 | LƯƠNG THẾ VINH | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 132 | LƯƠNG TRÚC ĐÀM | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 133 | LŨY BÁN BÍCH | TRỌN ĐƯỜNG | | 7,800 |
| 134 | LÝ THÁI TÔNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 135 | LÝ THÁNH TÔNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 136 | LÝ TUỆ | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,200 |
| 137 | NGÔ QUYÊN | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 138 | NGUYỄN BÁ TÔNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 139 | NGUYỄN CHÍCH | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 140 | NGUYỄN CỬU ĐÀM | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 141 | NGUYỄN DŨ | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 142 | NGUYỄN HẬU | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 143 | NGUYỄN HỮU ĐẠT | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,300 |
| 144 | NGUYỄN HỮU TIẾN | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 145 | NGUYỄN LỘ TRẠCH | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 146 | NGUYỄN LÝ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 147 | NGUYỄN MINH CHÂU | THOẠI NGỌC HẬU | CUỐI ĐOẠN THUỘC PHƯỜNG HÒA THẠNH | 5,400 |
| | | ÂU CƠ | HÈM 999 PHƯỜNG PHÚ TRUNG | 5,400 |
| | | HÈM 999 PHƯỜNG PHÚ TRUNG | CUỐI ĐOẠN THUỘC PHƯỜNG HÒA THẠNH | 2,900 |
| 148 | NGUYỄN MỸ CA | ĐƯỜNG CÂY KEO | QUÁCH VŨ | 4,700 |
| 149 | NGUYỄN NGỌC NHỰT | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,100 |
| 150 | NGUYỄN NHỮ LÂM | NGUYỄN SƠN | PHÚ THỌ HÒA | 5,000 |
| 151 | NGUYỄN SƠN | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,400 |
| 152 | NGUYỄN SUÝ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,200 |
| 153 | NGUYỄN THÁI HỌC | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 154 | NGUYỄN TRƯỜNG TỘ | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,000 |
| 155 | NGUYỄN VĂN DƯỠNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 156 | NGUYỄN VĂN HUYỀN | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 157 | NGUYỄN VĂN NGỌC | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 158 | NGUYỄN VĂN SẴNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 159 | NGUYỄN VĂN TỐ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |



| | | | | |
|-----|--------------------|----------------|---------------|-------|
| 161 | NHÁNH ĐƯỜNG LÝ TUỆ | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,200 |
| 162 | PHẠM NGỌC | TRỌN ĐƯỜNG | | 2,800 |
| 163 | PHẠM VĂN | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 164 | PHẠM VĂN XÁO | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 165 | PHẠM QUÝ THÍCH | LÊ THỨC HOACH | TÂN HƯƠNG | 4,200 |
| 166 | PHAN ANH | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,800 |
| 167 | PHAN CHU TRINH | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 168 | PHAN ĐÌNH PHÙNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 169 | PHAN VĂN NĂM | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 170 | PHỐ CHỢ | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 171 | PHÙNG CHÍ KIÊN | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 172 | PHÚ THỌ HOÀ | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,000 |
| 173 | QUÁCH ĐÌNH BẢO | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 174 | QUÁCH VŨ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 175 | QUÁCH HỮU NGHIÊM | THOẠI NGỌC HẦU | CUỐI ĐƯỜNG | 4,200 |
| 176 | SƠN KỶ | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 177 | TÂN HƯƠNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 178 | TÂN KỶ TÂN QUÝ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 179 | TÂN QUÝ | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,200 |
| 180 | TÂN SƠN NHÌ | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,400 |
| 181 | TÂN THÀNH | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,000 |
| 182 | TÂY SƠN | TRỌN ĐƯỜNG | | 3,600 |
| 183 | TÂY THẠNH | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,800 |
| 184 | THÂM MỸ | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 185 | THẠCH LAM | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,800 |
| 186 | THÀNH CÔNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,000 |
| 187 | THOẠI NGỌC HẦU | ÂU CƠ | LŨY BÁN BÍCH | 6,000 |
| | | LŨY BÁN BÍCH | PHAN ANH | 4,800 |
| 188 | THÔNG NHẤT | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,000 |
| 189 | TÔ HIỆU | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |
| 190 | TỰ DO 1 | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 191 | TỰ QUYẾT | TRƯƠNG VĨNH KÝ | CUỐI ĐƯỜNG | 4,700 |
| 192 | TRẦN HÙNG ĐẠO | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,600 |
| 193 | TRẦN QUANG CỐ | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 194 | TRẦN TẤN | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,800 |
| 195 | TRẦN THỦ ĐỘ | VĂN CAO | PHAN VĂN NĂM | 5,000 |
| 196 | TRẦN VĂN GIÁP | LÊ QUANG CHIỂU | HÈM THẠCH LAM | 4,700 |
| 197 | TRẦN VĂN ƠN | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 198 | TRỊNH LỎI | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 199 | TRỊNH ĐÌNH THẢO | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,800 |
| 200 | TRỊNH ĐÌNH TRỌNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,800 |
| 201 | TRƯƠNG VĨNH KÝ | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,100 |
| 202 | TRƯƠNG VĂN LĨNH | TRƯƠNG VĨNH KÝ | DÂN TỘC | 4,300 |
| 203 | TRƯỜNG CHINH | TRỌN ĐƯỜNG | | 7,800 |
| 204 | VĂN CAO | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 205 | VẠN HẠNH | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 206 | VÔ HOÀNH | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 207 | VÔ VĂN DŨNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,000 |
| 208 | VƯỜN LÀI | TRỌN ĐƯỜNG | | 6,600 |
| 209 | VŨ TRỌNG PHỤNG | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 210 | YÊN ĐỒ | TRỌN ĐƯỜNG | | 4,700 |
| 211 | Ỡ LAN | TRỌN ĐƯỜNG | | 5,400 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ